

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 18- 02 - 2025.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Cơ.

Ông Lâm Kim Mến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công vụ án thụ lý số 226/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hà M, sinh năm 1993 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1987 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2024, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn Bà Phạm Thị Hà M trình bày: Bà Phạm Thị Hà M và Ông Nguyễn Minh K kết hôn nhân năm 2015. Đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã N. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2023 thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, Bà Phạm Thị Hà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với Ông Nguyễn Minh K.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống Bà Phạm Thị Hà M và Ông Nguyễn Minh K có hai người con chung là Nguyễn Minh K2, sinh ngày 24/5/2016, Nguyễn Minh K3, sinh ngày 01/3/2023. Bà M yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai người con chung đến đủ tuổi trưởng thành. Không yêu cầu Ông K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2024, bị đơn Ông Nguyễn Minh K trình bày: Ông K thống nhất với lời trình bày của Bà Phạm Thị Hà M về mối quan hệ hôn nhân và thời gian kết hôn. Tuy nhiên, về mâu thuẫn vợ chồng thì không đúng, vì mối quan hệ vợ chồng giữa Ông K và Bà M hoàn toàn bình thường, Bà M muốn ly hôn với Ông K để thuận tiện việc làm hồ sơ đi Úc. Ông K vẫn còn tình cảm với Bà M nên không đồng ý ly hôn với Bà M. Trong trường hợp Tòa án xét xử cho Bà M ly hôn với Ông K thì Ông K đồng ý tạm thời giao hai người con chung là Nguyễn Minh K2, sinh ngày 24/5/2016, Nguyễn Minh K3, sinh ngày 01/3/2023 cho Bà M nuôi dưỡng, vì hiện nay Ông K đang chấp hành án nên không có điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

- Về nội Dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Phạm Thị Hà M; Về con chung: Giao cho Bà Phạm Thị Hà M được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung tên Nguyễn Minh K2, sinh ngày 24/5/2016 và Nguyễn Minh K3, sinh ngày 01/3/2023 đến khi đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Minh K được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét; Về án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Bà Phạm Thị Hà M và bị đơn Ông Nguyễn Minh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng nêu trên.

Về nội Dung:

[2] Bà Phạm Thị Hà M và Ông Nguyễn Minh K kết hôn vào năm 2015. Đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 36 ngày 05/5/2016. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa Bà Phạm Thị Hà M và Ông Nguyễn Minh K là hôn nhân hợp pháp. Bà M trình bày trong quá trình chung sống giữa vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2023 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nay Bà M giữ nguyên yêu cầu ly hôn với Ông K. Đối với Ông Nguyễn Minh K cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, do Bà M muốn đi nước ngoài nên ly hôn, Ông K còn tình cảm với Bà M nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, Bà Phạm Thị Hà M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, không đồng ý hàn gắn tình cảm vợ chồng với Ông K, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân giữa Bà Phạm Thị Hà M và Ông Nguyễn Minh K không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Phạm Thị Hà M.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, Bà Phạm Thị Hà M và Ông Nguyễn Minh K có hai người con chung là tên Nguyễn Minh K2, sinh ngày 24/5/2016 và Nguyễn Minh K3, sinh ngày 01/3/2023, hiện nay con chung đang sống với Bà M. Xét thấy, kể từ khi Bà M và Ông K không còn chung sống với nhau thì con chung vẫn do Bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến nay. Khi ly hôn, Bà M yêu cầu được quyền nuôi con, tại biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2024, con chung từ đủ 07 tuổi trở lên là cháu Khan có nguyện vọng được sống với mẹ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2024, Ông K đồng ý giao hai người con chung cho Bà M nuôi dưỡng, vì hiện nay Ông K đang chấp hành án không có điều kiện nuôi con. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu Khan và cháu Khôi, không làm thay đổi môi trường sống của các cháu, Hội đồng xét xử thống nhất giao hai người con chung cho Bà Phạm Thị Hà M được quyền nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Minh K được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Hà M không yêu cầu Ông Nguyễn Minh K cấp dưỡng nuôi con, không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Hà M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do Bà M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004732 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, Bà M đã thực hiện xong.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hà M được quyền ly hôn với Ông Nguyễn Minh K.

2. Về con chung: Giao cho Bà Phạm Thị Hà M được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung tên Nguyễn Minh K2, sinh ngày 24/5/2016 và Nguyễn Minh K3, sinh ngày 01/3/2023 cho đến khi hai người con chung đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Minh K được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Hà M không yêu cầu Ông Nguyễn Minh K cấp dưỡng nuôi con, không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét.

5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét.

6. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Hà M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do Bà M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004732 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, Bà M đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ